

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Xây dựng số 9 - VC9

Ngày 31/12/2025	3,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.6%	-7.5%	-7.5%

DT thuần Q4/25
99.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 36.9 59.1%
YoY: ▲ 23.8 31.5%

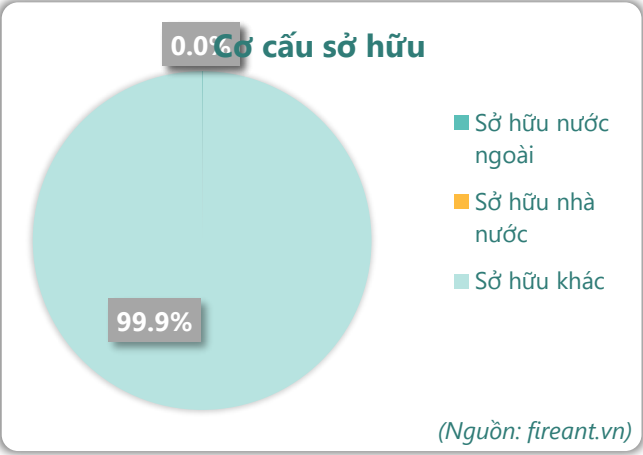
LN thuần Q4/25
0.11
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.04 52.4%
YoY: ▲ 0.22 197%

LN sau thuế Q4/25
0.24
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.03 14.5%
YoY: ▲ 0.02 9.3%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
3.1%
YoY: +/-▼ 1.3%

ROE 2025
1.3%
YoY: +/-▲ 0.0%

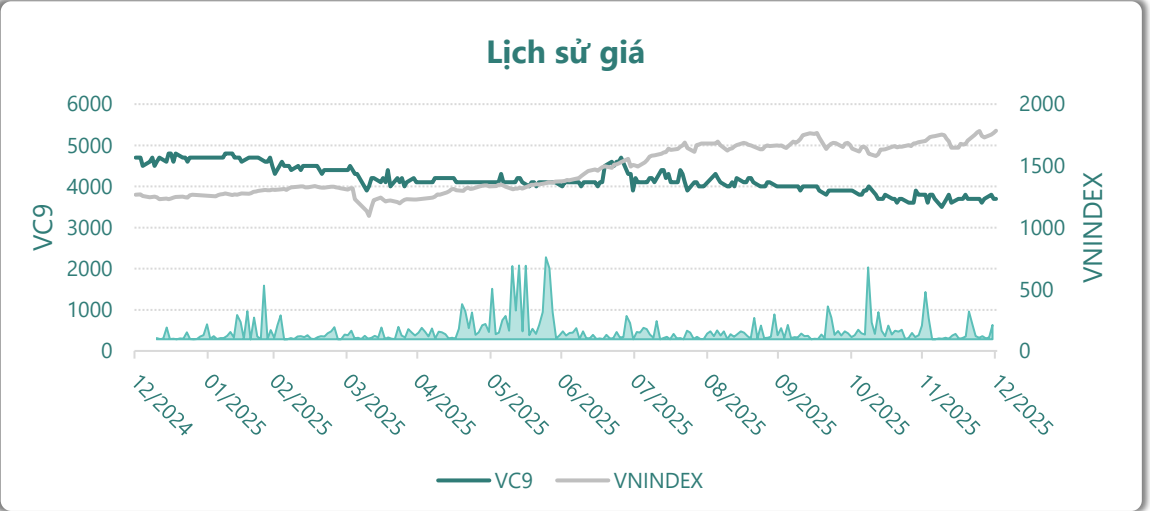
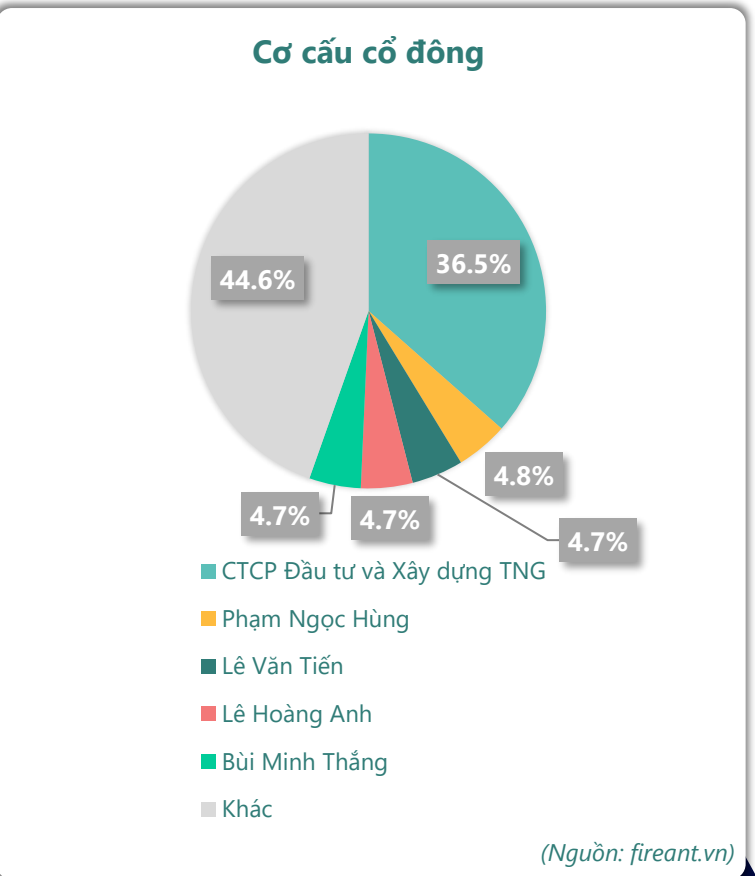
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	3,500 - 4,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	62
Số lượng CPLH (CP)	16,695,200
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,225
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.26
EPS	49
P/E	76.2



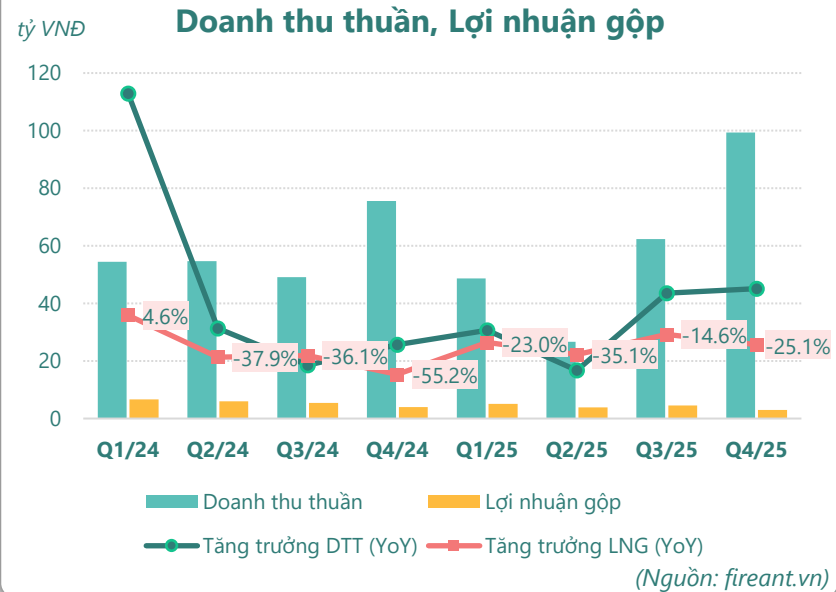
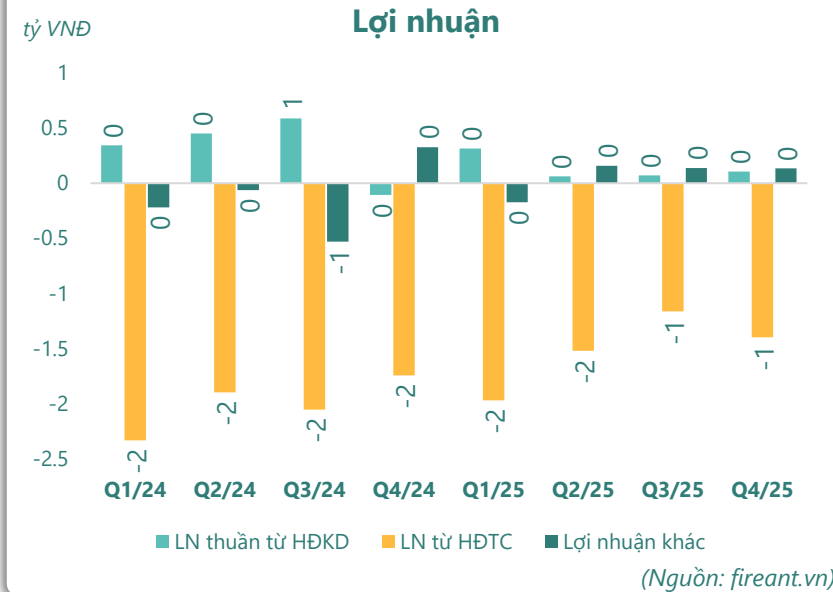
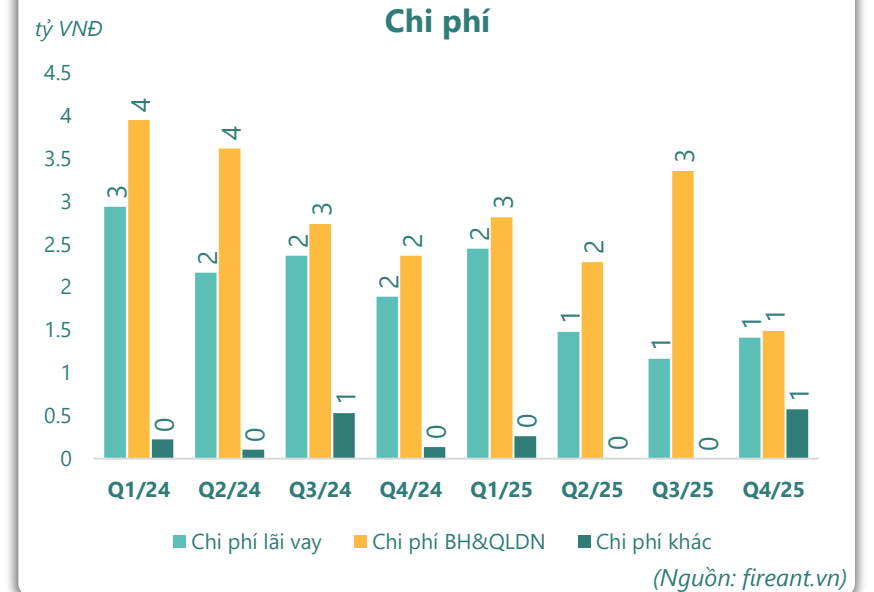
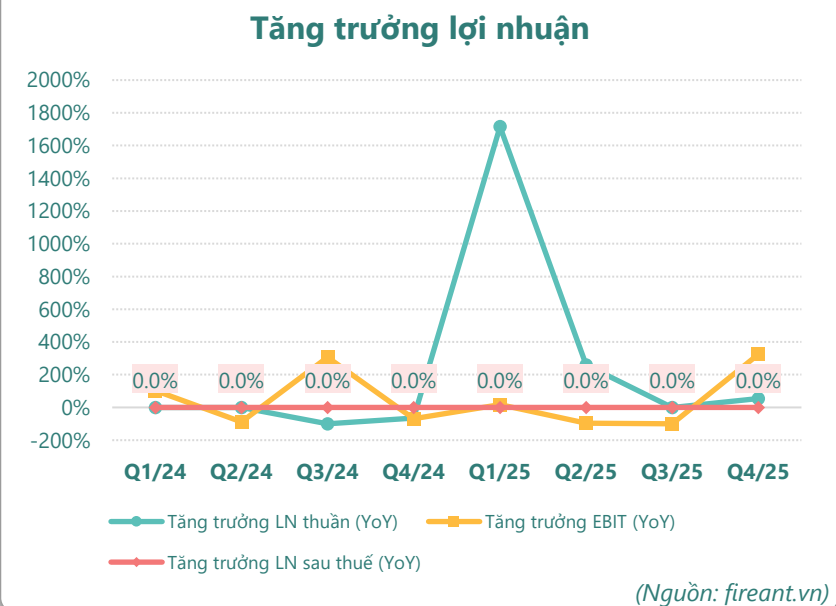
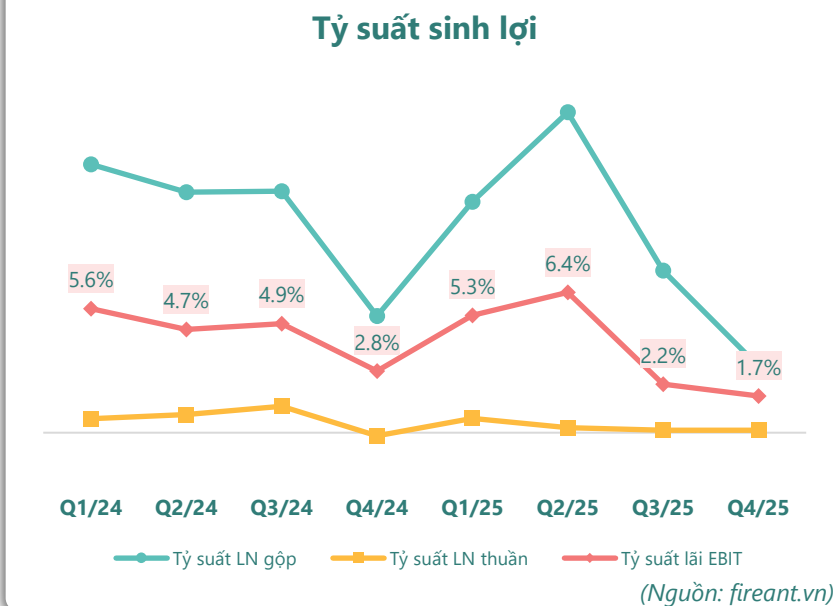
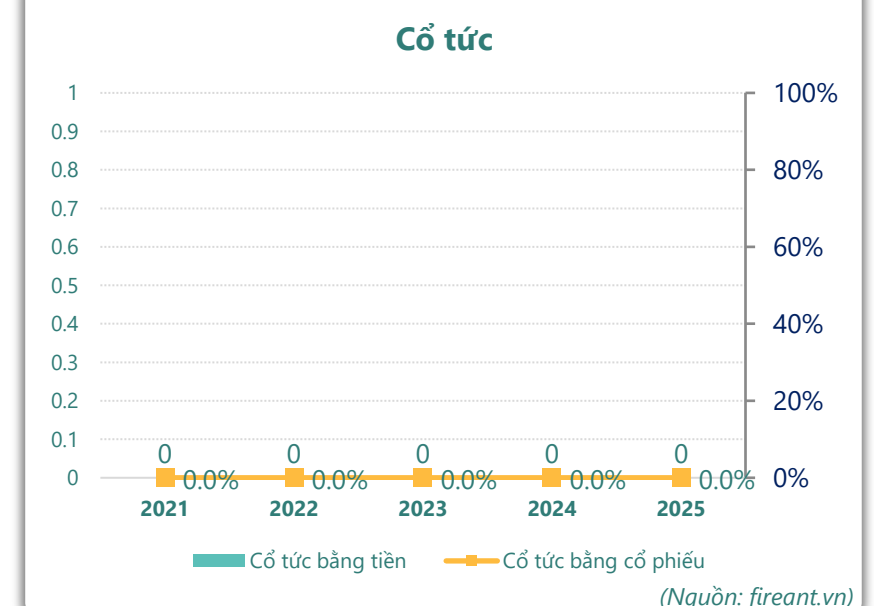
DT thuần 2025
237
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.00 1.4%

LN thuần 2025
0.55
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.72 -56.6%

LN sau thuế 2025
0.81
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.02 2.7%

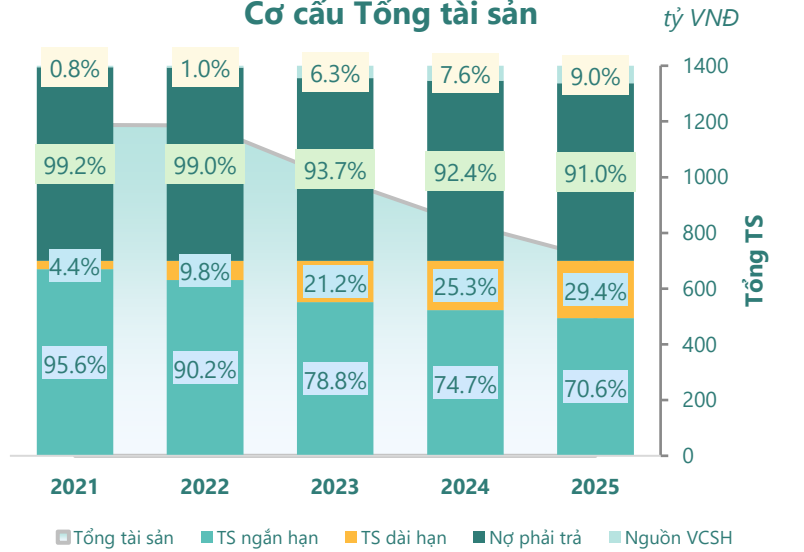


KẾT QUẢ KINH DOANH



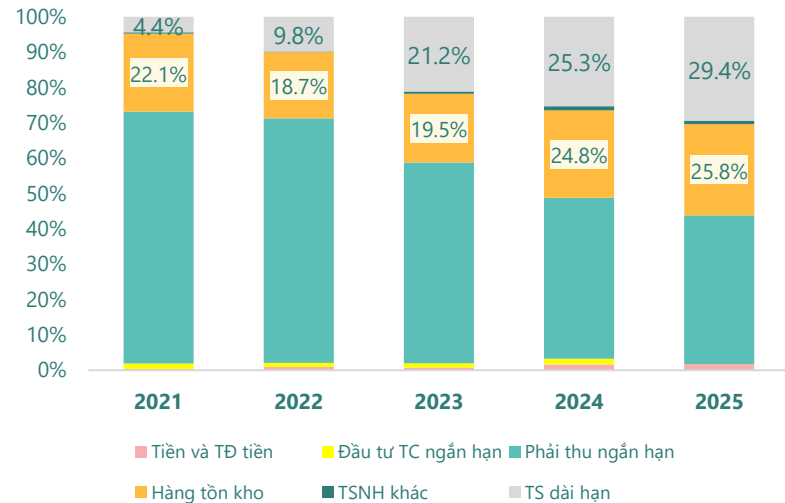
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



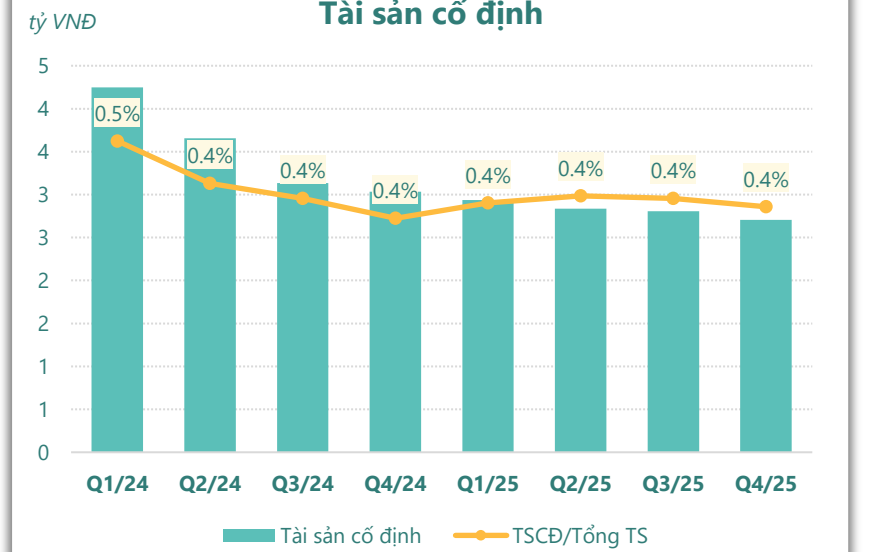
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



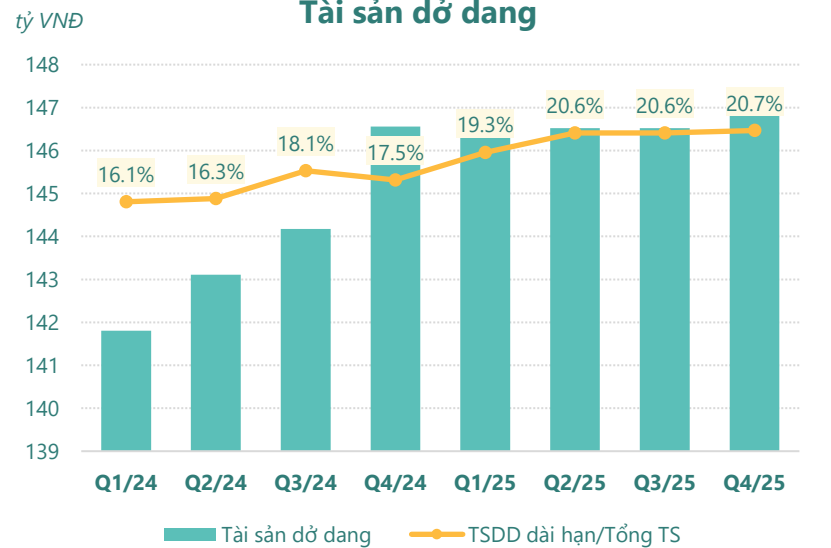
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



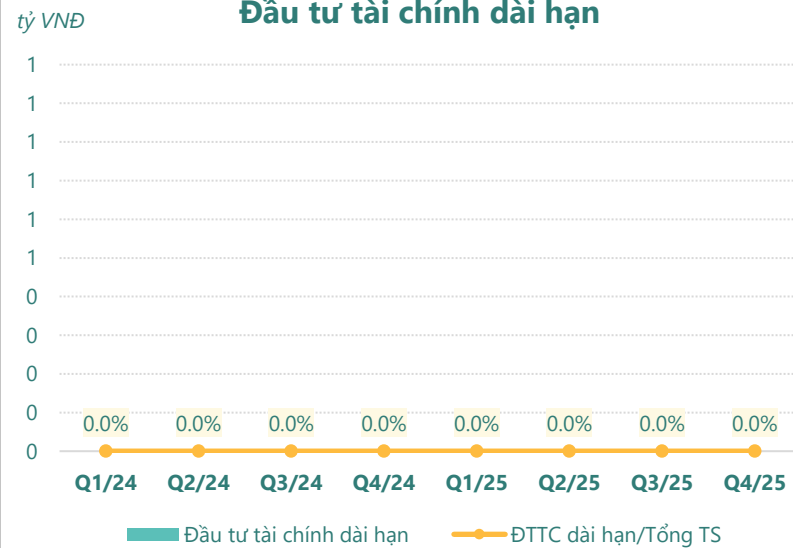
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



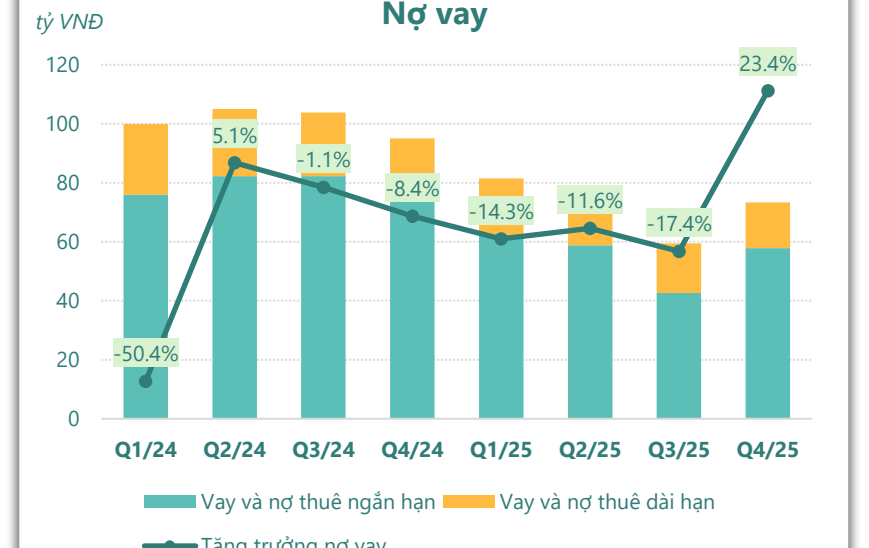
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



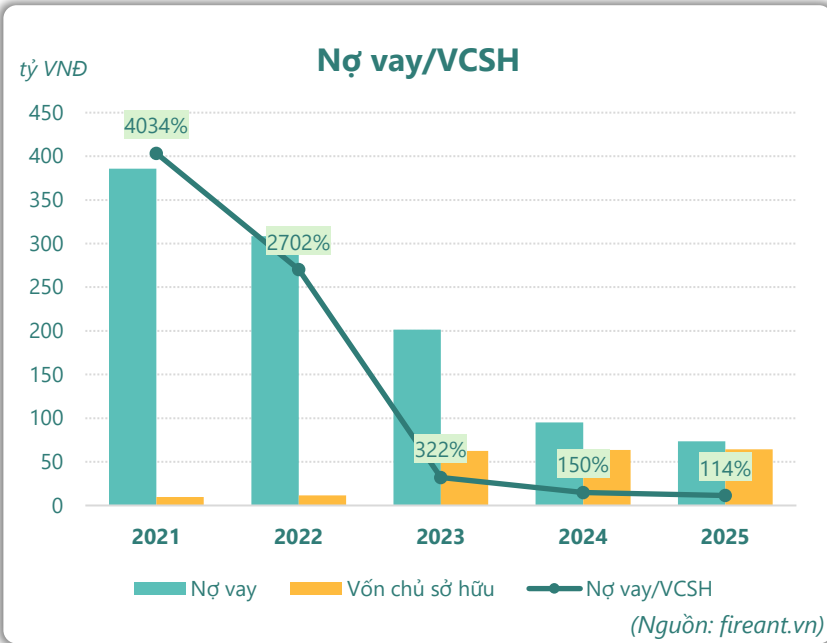
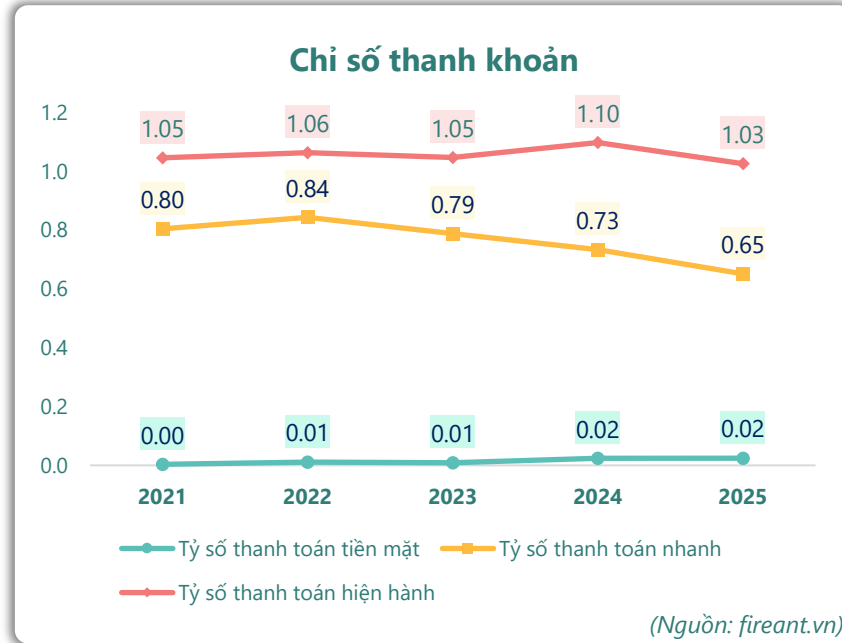
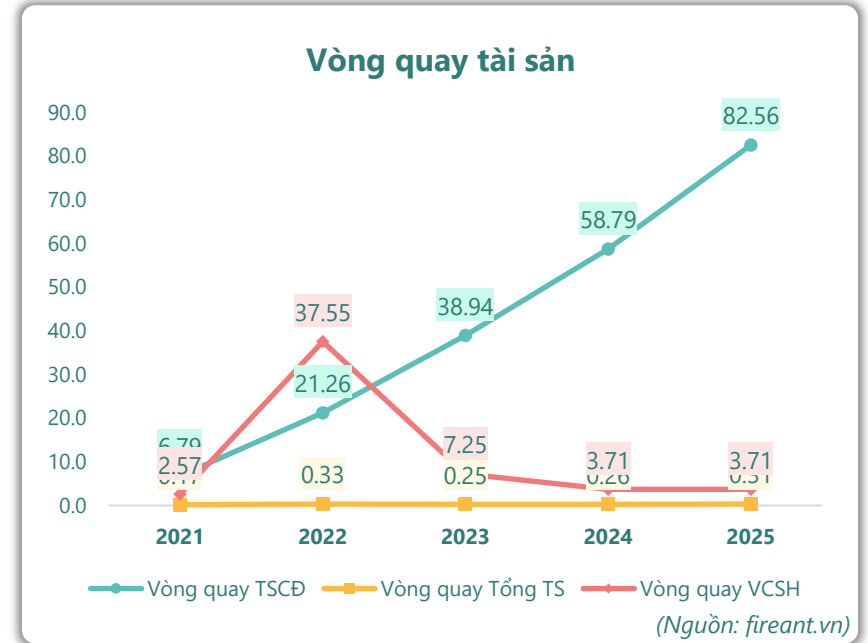
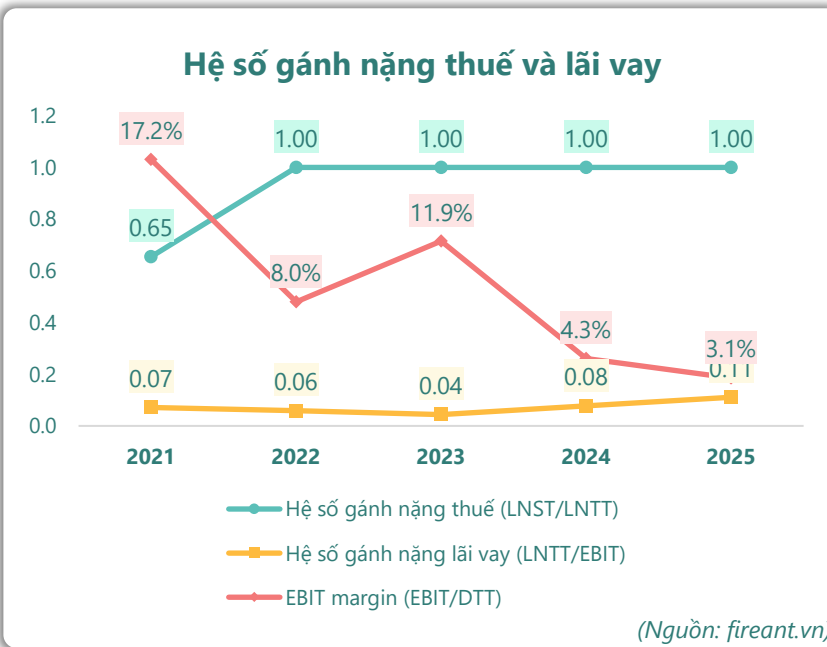
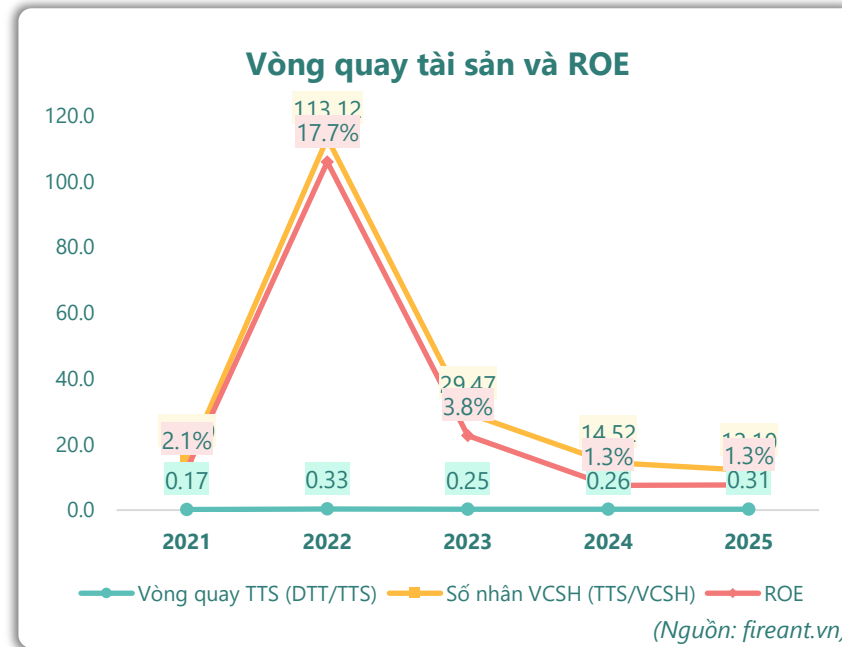
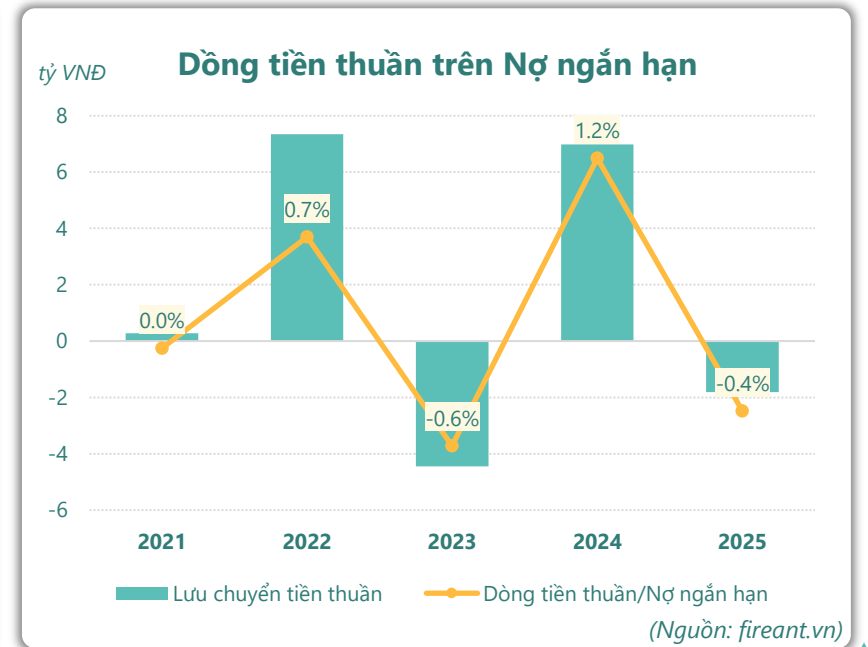
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	99.3	75.5	31.5%	237	234	1.4%
Giá vốn hàng bán	96.3	71.5	34.7%	220	212	4.1%
Lợi nhuận gộp	3.00	4.00	-25.0%	16.6	21.9	-24.4%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.14	-90.6%	0.45	1.40	-67.8%
Chi phí TC	1.41	1.89	-25.2%	6.51	9.37	-30.6%
Chi phí lãi vay	1.41	1.89	-25.2%	6.51	9.37	-30.6%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	1.49	2.37	-37.1%	9.96	12.7	-21.4%
LN thuần từ HĐKD	0.11	-0.11	197%	0.55	1.27	-56.6%
Lợi nhuận khác	0.13	0.33	-59.4%	0.26	-0.49	153%
LN trước thuế	0.24	0.22	9.3%	0.81	0.79	2.7%
Lợi nhuận sau thuế	0.24	0.22	9.3%	0.81	0.79	2.7%
LNST của CĐ cty mẹ	0.24	0.22	9.3%	0.81	0.79	2.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-15.0	20.1	-2.78	-0.86	17.7	-7.79
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	15.5	0.48	7.55	5.98	-0.07	0.02
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.19	-8.77	-13.6	-9.41	-12.6	13.9
Tiền đầu kỳ	2.67	1.97	13.7	4.93	0.64	5.76
Lưu chuyển tiền thuần	-0.70	11.8	-8.82	-4.29	5.12	6.17
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.97	13.7	4.93	0.64	5.76	11.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	711	834	-14.8%
Tài sản ngắn hạn	502	623	-19.5%
Tiền và tương đương tiền	11.9	13.7	-13.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.40	13.3	-97.0%
Phải thu ngắn hạn	299	380	-21.2%
Hàng tồn kho	183	207	-11.5%
Tài sản ngắn hạn khác	7.00	9.78	-28.5%
Tài sản dài hạn	209	211	-0.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	2.71	3.03	-10.8%
Bất động sản đầu tư	6.20	6.39	-2.9%
Tài sản dở dang	147	147	0.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	52.7	54.9	-3.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	646	771	-16.1%
Nợ ngắn hạn	489	568	-13.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	57.8	74.6	-22.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	198	214	-7.4%
Nợ dài hạn	158	203	-22.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	15.6	20.4	-23.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	64.2	63.4	1.3%
Vốn chủ sở hữu	64.2	63.4	1.3%
Vốn điều lệ	170	170	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

